TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 07/ 02/ 2018
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Kim Thu**.**
*Các Hội thẩm nhân dân**:***
Ông Nguyễn Văn Chuyết
Ông Nguyễn Mạnh Trường
- *Thư ký phiên toà:* Bà H Thị Ngát - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.
- *Đại diện VKSND huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Trần H Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2017/TLST - HNGĐ ngày 18/10/2017 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/01/2018, giữa các đương sự:
- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc D - Sinh năm 1979
Địa chỉ: Đội 2, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.
- *Bị đơn:* Chị Đàm Thanh H - Sinh năm 1980
Địa chỉ: Đội 2, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt anh D, vắng mặt chị H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc D trình bày:

Anh và chị Đàm Thanh H kết hôn tháng 11 năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2010 chị H bị tai nạn xe máy gẫy chân, sau một năm ổn định vợ chồng đi Hà Nội làm công nhân cây xanh được hai năm, do thu nhập thấp không đủ tiền để trang trải trong gia đình, đến năm 2014 vợ chồng lại chuyển sang buôn bán nhưng do không có kinh nghiệm về kinh doanh nên bị thua lỗ, đến năm 2016 chị mang thai đứa con thứ 3 thì anh vào Miền Nam làm ăn, chị H sinh con được hơn 03 tháng đã bỏ con nhỏ cho bố mẹ anh và bỏ về bố mẹ đẻ ở, khi anh về có tìm chị H nhưng chị không về, từ đó đến nay chị H không quan tâm gì đến bố con anh. Nay anh nhận thấy tình cảm giữa anh và chị H không còn anh đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Bình M - sinh ngày 04 tháng 01 năm 2001; Nguyễn Việt H - sinh ngày 13 tháng 6 năm 2005; Nguyễn Trung H - sinh ngày 10 tháng 02 năm 2016. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, khoản nợ: Anh D không yêu cầu giải quyết.

*Theo ông Đàm Văn P (bố đẻ chị H) trình bày: Chị H và anh D có được đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại UBND thị trấn C, huyện T. Sau khi cưới do kinh tế khó khăn, vợ chồng lại không hiểu nhau nên cũng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, mỗi lần mâu thuẫn thì chị lại bỏ về nhà ông, đến năm 2016 sau khi sinh con thứ ba mới được mấy tháng tuổi thì chị H đã bỏ về nhà ông ở từ đó. Hai bên gia đình cũng đã khuyên bảo nhưng chị H không về. Vừa qua ông có nhận được các tài liệu của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh về việc anh D có đơn xin ly hôn chị H, ông cũng đã thông báo cho chị H biết, nhưng do chị H bận đi làm nên không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn, chị H có nhắn lại cho ông, chị nhất trí theo đề nghị của anh D. Về tài sản: Vợ chồng anh D, chị H không có tài sản gì.

Tại phiên tòa:

Anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày nêu trên, không trình bày bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Việc chị H vắng mặt tại phiên toà là vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

Về nội dung:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc D và chị Đàm Thanh H. Con chung: Giao anh Nguyễn Ngọc D có trách nhiệm nuôi dưỡng 03 con chung là Nguyễn Bình M - sinh ngày 04 tháng 01 năm 2001; Nguyễn Việt H - sinh ngày 13 tháng 6 năm 2005; Nguyễn Trung H - sinh ngày 10 tháng 02 năm 2016; chấp nhận việc anh D không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản: Anh D không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên giao nộp chứng cứ và hòa giải cho chị Đàm Thanh H nhưng chị H không đến Tòa án làm việc, bố đẻ chị H là ông Đàm Văn P đã xác nhận, ông có nhận được các tài liệu trên và thông báo cho chị H biết nhưng chị H bận đi làm nên không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn được. Căn cứ vào khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc

trường hợp không tiến hành hoà giải được. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị H thông qua ông P là bố đẻ chị H nhưng chị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là chị Đàm Thanh H theo khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

Anh Nguyễn Ngọc D và chị Đàm Thanh H kết hôn với nhau vào tháng 11 năm 1999 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định, đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng lại không hiểu và thông cảm cho nhau, đến năm 2016 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh D có tìm nhưng chị H không về. Nay anh H nhận thấy tình cảm giữa anh và chị H không còn, anh đề nghị xin được ly hôn.

Xét thực tế cuộc hôn nhân giữa anh D và chị H đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc anh D có yêu cầu ly hôn là hoàn toàn chính đáng phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Bình M - sinh ngày 04 tháng 01 năm 2001; Nguyễn Việt H - sinh ngày 13 tháng 6 năm 2005; Nguyễn Trung H - sinh ngày 10 tháng 02 năm 2016. Sau ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh D, HĐXX thấy: Bản thân chị H sau khi sinh con thứ ba được vài tháng chị đã bỏ đi và không có trách nhiệm gì với bố con anh, cháu Nguyễn Bình M, Nguyễn Việt H cũng đã có đơn trình bày, nguyện vọng được ở với bố (anh D), để đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung, giao anh D tiếp tục nuôi cả 03 con chung, chấp nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, khoản nợ: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, khoản nợ nên không xem xét.

Về án phí: Anh D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc D và chị Đàm Thanh H.

2. Con chung: Giao anh Nguyễn Ngọc D có trách nhiệm nuôi dưỡng 03 con chung là Nguyễn Bình M - sinh ngày 04 tháng 01 năm 2001; Nguyễn Việt H - sinh ngày 13 tháng 6 năm 2005; Nguyễn Trung H - sinh ngày 10 tháng 02 năm 2016. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Ngọc D không yêu cầu chị Đàm Thanh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Án phí: Anh Nguyễn Ngọc D phải nộp 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền anh D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000988 ngày 18/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Anh D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND TT C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu